

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2024/DS-ST

Ngày: 22-4-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Đức Lưu**
2. Bà **Hoàng Thị An**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Trương Thị Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội** tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Doãn Hải** – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 309/2023/TLST-DS ngày 15/12/2023 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/QĐXXST-DS ngày 11/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-DS ngày 29/3/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**; trụ sở: Số 266 – 268 đường N, Phường V, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty SBA) – Đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Lê Ngọc T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Thanh H** – Nhân viên Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S.

Bị đơn: Ông **Lê Gia L**, sinh năm 1990; Nơi thường trú: Thôn Th, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Đại diện ngân hàng (ông H).

Vắng mặt: Ông L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 25/9/2023 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S do người đại

diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 05 tháng 5 năm 2016, ông Lê Gia L có ký với Ngân hàng TMCP S (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng S) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng – các tài liệu này được gọi là hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông L, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 356480 – 2982 với hạn mức sử dụng 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 489.018.700 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, kể từ ngày được cấp thẻ đến nay ông L đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 483.335.693 đồng. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ từ ngày 06/6/2021 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày xét xử, ông L còn nợ ngân hàng S các khoản sau:

- Nợ gốc: 22.498.117 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 20.117.396 đồng.
- Tổng cộng: 42.615.513 đồng.

Ngân hàng S đề nghị ông L phải trả tổng cộng số tiền trên, đồng thời, ông L phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23/4/2024 cho đến khi trả hết tiền nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng.

Bị ông Lê Gia L đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên ông L không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công an xã K cung cấp: Ông Lê Gia L, sinh năm 1990 đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Th, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên hiện nay ông L không còn cư trú tại địa phương, hiện ông L đang ở đâu, làm gì công an xã K không nắm được.

Tại phiên tòa, Ngân hàng S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định đây là khoản nợ của cá nhân ông L và yêu cầu ông L phải trả cho S số tiền nợ là 42.615.513 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông L trả hết toàn bộ tiền nợ cho ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là ông Lê Gia L hiện không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông L theo quy định. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt ông L là đúng

quy định pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn tiền gốc, lãi các loại tính đến hết ngày 22 tháng 4 năm 2024 theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2024 đến khi trả xong toàn bộ nợ. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ hồ sơ pháp nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S, căn cứ mục đích vay vốn trong hợp đồng là vay tiêu dùng. Vì vậy Tòa án thụ lý vụ án dân sự với quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là ông Lê Gia L đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Th, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Khi ký hợp đồng tín dụng với S, ông L vẫn đang ở địa chỉ trên. Theo kết quả xác minh mà Tòa án thu thập được thì ông L đã không còn cư trú tại thôn Th, xã K và hiện không rõ cư trú ở đâu. S cũng không biết hiện ông L đang ở đâu, khi ông L thay đổi nơi cư trú cũng không thông báo gì với S. Như vậy ông L đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình khi thay đổi nơi cư trú theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đây thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Do không có thông tin ông L hiện cụ thể đang ở đâu nên Tòa án nhân dân huyện Đ tiếp tục giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án đã niêm yết các văn bản: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi ông Lê Gia L trả nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng) nhận thấy:

[3.1] Đối với số tiền nợ gốc: Việc các bên tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc vay tiền thông qua hình thức phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, đúng quy định về hoạt động của ngân hàng thương mại quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; phù hợp quy định tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Vì vậy việc nguyên đơn khởi kiện đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là có căn cứ. Theo tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, số tiền gốc ông L còn nợ là 22.498.117

đồng, vì vậy yêu cầu về số tiền gốc của nguyên đơn phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3.2]. Về việc tính lãi: Theo thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mức lãi suất 2,4%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Việc thỏa thuận về lãi suất như trên là phù hợp với quy định pháp luật. Nguyên đơn tính lãi suất đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền tính đến hết ngày 22 tháng 4 năm 2024 của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, cụ thể như sau: Nợ gốc là 22.498.117 đồng; Lãi quá hạn là 20.117.396 đồng. Tổng cộng: 42.615.513 đồng. Buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2024 đến khi trả hết nợ.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Các Điều 26, 35, 39, 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;
- Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Lê Gia L.

Buộc ông Lê Gia L phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP S theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 356480 – 2982 số tiền tính đến hết ngày 22 tháng 4 năm 2024 là:

- Nợ gốc: 22.498.117 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 20.117.396 đồng.
- Tổng cộng: 42.615.513 đồng.

Kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2024, ông Lê Gia L còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 356480 – 2982 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Lê Gia L phải chịu 2.130.000 đồng (Hai triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần S được số tiền 953.000 đồng (Chín trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016923 ngày 11/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Gia L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu trữ

Ngô Thị Hồng

